

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1
- CÔNG TY CP

Số: **0114** /TCT-QHCE
V/v: Công bố thông tin định kỳ
trên cổng thông tin điện tử của
UBCKNN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 0243.8350930

Fax: 0243.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Văn Thanh

Địa chỉ: Số 19, Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0943415899 – 0243.8350933

Fax: 0243.7721232

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2017.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2017.

(Có chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCE, VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC




Đinh Văn Thanh

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2017 đến 30/09/2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Cấn Hồng Lai	Chủ tịch (Thời giữ chức vụ ngày 13/01/2017)
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Khôi	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Đào Việt Tiến	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng giám đốc (Thời giữ chức vụ ngày 07/06/2017)

Kế toán trưởng

Ông Võ Thành Công	Kế toán trưởng (Thời giữ chức vụ ngày 04/05/2017)
Ông Lê Văn Long	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 04/05/2017, Thời giữ chức vụ ngày 25/09/2017)
Ông Nguyễn Văn Trung	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 25/09/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa kỳ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa kỳ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa kỳ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa kỳ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ.

Trình lập và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đình Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA KỲ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3.206.049.298.026	2.833.993.783.606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	204.470.303.833	231.504.347.393
1. Tiền	111	142.273.891.412	184.056.654.449
2. Các khoản tương đương tiền	112	62.196.412.421	47.447.692.944
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	3.231.000.000	16.205.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	3.231.000.000	16.205.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.149.043.953.578	1.884.799.731.069
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.066.977.475.822	1.235.700.108.352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	584.068.007.850	240.791.124.892
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	258.000.000.000	247.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	265.634.408.209	189.863.663.928
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-25.635.938.303	-28.555.166.103
IV. Hàng tồn kho	140	842.964.200.674	679.405.990.274
1. Hàng tồn kho	141	843.762.963.413	680.204.753.013
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-798.762.739	-798.762.739
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6.339.839.941	22.078.714.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	647.186.500	1.035.118.298
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.996.277.214	5.135.653.889
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	2.696.376.227	15.907.942.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	607.062.689.738	630.875.571.071
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	19.095.719.649	6.177.765.014
1. Phải thu dài hạn khác	216	19.095.719.649	6.177.765.014
II. Tài sản cố định	220	88.765.764.922	102.033.183.671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	77.094.378.297	90.165.093.818
- Nguyên giá	222	338.892.539.152	348.044.738.264
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-261.798.160.855	-257.879.644.446
2. Tài sản cố định vô hình	227	11.671.386.625	11.868.089.853
- Nguyên giá	228	13.183.548.462	13.183.548.462
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-1.512.161.837	-1.315.458.609
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	40.000.000	40.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	40.000.000	40.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	461.825.630.292	476.794.197.693
1. Đầu tư vào công ty con	251	9.126.480.760	35.270.423.257
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	199.744.787.029	262.138.815.519
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	269.953.860.927	258.778.485.831
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-16.999.498.424	-79.393.526.914
VI. Tài sản dài hạn khác	260	37.335.574.875	45.830.424.693
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	37.335.574.875	45.830.424.693
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	3.813.111.987.764	3.464.869.354.677

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	3.055.619.445.795	2.683.904.941.278
I. Nợ ngắn hạn	310	3.008.699.935.381	2.570.164.032.135
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.424.772.395.473	1.484.297.700.157
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	735.012.349.065	332.762.446.696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	136.949.076.588	140.407.825.546
4. Phải trả người lao động	314	36.470.039.535	44.360.017.168
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	94.665.412.556	66.475.391.246
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	115.700.000	618.885.428
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	247.712.976.269	240.829.999.470
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	327.293.272.456	255.074.145.155
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	607.853.636	1.446.267.160
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.100.859.803	3.891.354.109
II. Nợ dài hạn	330	46.919.510.414	113.740.909.143
1. Phải trả dài hạn khác	337	0	12.246.221.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	39.134.064.054	83.650.570.710
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	7.785.446.360	17.844.117.433
		0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	757.492.541.969	780.964.413.399
I. Vốn chủ sở hữu	410	757.492.541.969	780.964.413.399
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	700.000.000.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21.493.480.160	17.184.339.458
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	35.999.061.809	63.780.073.941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	22.316.362.888	1.031.338.956
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	13.682.698.921	62.748.734.985
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	3.813.111.987.764	3.464.869.354.677

Nguyễn Thị Bích Hạnh
 Người lập biểu

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Văn Trung
 Kế toán trưởng



Đinh Văn Thanh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA KỲ
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến hết ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Quý3		Lũy kế đến hết quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	368.752.339.039	668.229.695.945	1.116.952.129.290	1.673.004.988.689
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10=1-2	368.752.339.039	668.229.695.945	1.116.952.129.290	1.673.004.988.689
4. Giá vốn hàng bán	11	361.056.920.977	620.780.472.516	1.070.924.187.397	1.608.907.247.332
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20=10-11	7.695.418.062	47.449.223.429	46.037.941.893	64.097.741.357
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.711.783.561	10.249.755.645	38.561.272.111	101.325.692.238
7. Chi phí tài chính	22	2.879.472.738	8.400.254.118	1.741.088.533	24.849.652.531
- Trong đó chi phí lãi vay	23	7.779.472.738	8.148.750.053	23.626.168.985	23.361.469.139
8. Chi phí bán hàng	25	-	-	-	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.571.431.905	34.185.801.110	69.373.071.815	96.537.692.383
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	956.296.980	15.112.923.846	13.485.053.656	44.036.088.681
30= 20+(21-22)-(25+26)		0	0	0	0
11. Thu nhập khác	31	2.462.526.805	1.239.802.157	8.052.456.948	3.546.823.013
12. Chi phí khác	32	2.094.717.371	885.648.366	5.388.879.724	3.926.180.321
13. Lợi nhuận khác	40=31-32	367.809.434	354.153.791	2.663.577.224	-379.357.308
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50=30+40	1.324.106.414	15.467.077.637	16.148.630.880	43.656.731.373
15. CF Thuế thu nhập DN hiện thành	51	-	1.631.351.528	2.465.931.959	7.269.282.275
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60=50-51	1.324.106.414	13.835.726.109	13.682.698.921	36.387.449.098

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA KỲ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến hết ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	16.148.630.880
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	13.923.729.582
Các khoản dự phòng	03	(76.210.340.887)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ		(209.765.065)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(35.785.625.352)
Chi phí lãi vay	06	23.626.168.985
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(58.507.201.857)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(204.629.006.213)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(163.558.210.400)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	361.009.942.890
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.882.781.616
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.626.168.985)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.192.158.435)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.399.988.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(107.020.009.814)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và TSDH khác	21	(967.755.634)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và TSDH khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	27.974.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.968.753.780)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	51.350.061.510
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.503.913.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	70.891.465.609
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	279.992.386.105
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(252.289.765.460)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.608.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.094.500.645
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(27.034.043.560)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	231.504.347.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	204.470.303.833


Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 01 năm 2018


Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng




Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0100104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo***1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong thời gian lớn hơn 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Báo cáo tài chính riêng giữa kỳ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2017 đến hết ngày 30/09/2017 bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa kỳ của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Mô tả
1	Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 509/TCCB-LĐ của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 8 năm 2001 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
2	Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP tại thành phố Hồ Chí Minh	Được thành lập theo Quyết định số 605/HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 04 tháng 12 năm 1999 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
3	Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 2214/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 7 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty. Chuyển đổi thành công ty TNHH Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ Inmassco kể từ ngày 01/03/2017
4	Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 1084/QĐ-HĐTV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 26 tháng 11 năm 2000 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
5	Xí nghiệp Cầu 17 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0476/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 03 tháng 11 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
6	Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0418/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 30 tháng 9 năm 2011 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
7	Xí nghiệp xây dựng công trình Ciencol - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0444/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 08 tháng 10 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
8	Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0747/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 11 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
9	Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 2059/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 03 tháng 7 năm 2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP cầu 12 - Cienco I (đã thoái vốn ngày 17/04/2017)			Xây dựng công trình cầu đường
2	Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco I	51	51	Xây dựng dân dụng
3	Công ty TNHH cung ứng lao động quốc tế và DV Innasco (Chuyển đổi từ ngày 01/03/2017)	100	100	Xuất khẩu lao động

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco I	21	21	Sản xuất vật liệu xây dựng
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco I	25	25	Sản xuất vật liệu xây dựng
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	48	48	Xây dựng đường bộ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	49	49	Sản xuất vật liệu xây dựng
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco I	48	48	Xây dựng đường bộ
6	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco I	45	45	Xây dựng công trình giao thông
7	Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	20	20	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
8	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiến	26	26	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng -	44	44	Xây dựng dân dụng
10	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình I	55	55	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
11	Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	26	26	Tư vấn thiết kế cầu đường
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	25	25	Xây dựng dân dụng
13	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình I	33	33	Sản xuất vật liệu xây dựng

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỶ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ

Báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa kỳ theo là báo cáo tài chính riêng giữa kỳ của Tổng Công ty và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Để có cái nhìn tổng thể về tình hình tài chính của toàn Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ của Tổng Công ty được lập và phát hành riêng.

Báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa kỳ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa kỳ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong vòng 50 năm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không thực hiện trích khấu hao; giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Tổng Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày lập báo cáo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa kỳ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa kỳ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán giữa kỳ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>Số dư đầu năm</u>
Tiền mặt	50.511.991.371	10.269.965.602
Tiền gửi ngân hàng	91.761.900.041	173.786.688.847
Các khoản tương đương tiền	62.196.412.421	47.447.692.944
Cộng	204.470.303.833	231.504.347.393

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>Số dư đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	0	0
Nguyên liệu, vật liệu	21.966.510.755	29.181.677.251
Công cụ, dụng cụ	294.518.244	444.385.491
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	819.917.201.398	650.247.595.583
Thành phẩm	0	331.094.688
Hàng hóa	1.584.733.016	0
Cộng	843.762.963.413	680.204.753.013
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(798.762.739)	(798.762.739)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	842.964.200.674	679.405.990.274

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYỄN GIÁ			
- Tại ngày đầu năm	13.113.548.462	70.000.000	13.183.548.462
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	13.113.548.462	70.000.000	13.183.548.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
- Tại ngày đầu năm	1.245.458.609	70.000.000	1.315.458.609
- Khấu hao trong kỳ	196.703.228	-	196.703.228
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	1.442.161.837	70.000.000	1.512.161.837
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tại ngày đầu năm	11.868.089.853	-	11.868.089.853
- Tại ngày cuối kỳ	11.671.386.625	-	11.671.386.625

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I - CÔNG TY CP Mẫu số B 02a-DN
Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản có định khác	Tổng cộng
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>102.909.938.326</u>	<u>175.005.569.856</u>	<u>63.572.655.603</u>	<u>4.513.718.365</u>	<u>2.042.856.114</u>	<u>348.044.738.264</u>
- Mua trong kỳ	-	882.755.634	-	85.000.000	-	967.755.634
- Thanh lý nhượng bán	-	-	(7.210.462.272)	-	-	(7.210.462.272)
- Giảm khác	(65.780.000)	-	(2.710.174.394)	(133.538.080)	-	(2.909.492.474)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>102.844.158.326</u>	<u>175.888.325.490</u>	<u>53.652.018.937</u>	<u>4.465.180.285</u>	<u>2.042.856.114</u>	<u>338.892.539.152</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>56.009.644.086</u>	<u>142.792.104.288</u>	<u>53.291.405.297</u>	<u>4.121.019.612</u>	<u>1.665.471.163</u>	<u>257.879.644.446</u>
- Khấu hao trong kỳ	2.954.452.900	7.302.502.916	3.127.463.259	183.300.797	159.306.483	13.727.026.354
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.210.462.272)	-	-	(7.210.462.272)
- Giảm khác	(19.185.831)	(3.273.359)	(2.445.322.761)	(130.265.722)	-	(2.598.047.673)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>58.944.911.155</u>	<u>150.091.333.845</u>	<u>46.763.083.523</u>	<u>4.174.054.687</u>	<u>1.824.777.646</u>	<u>261.798.160.855</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>46.900.294.240</u>	<u>32.213.465.568</u>	<u>10.281.250.306</u>	<u>392.698.753</u>	<u>377.384.951</u>	<u>90.165.093.818</u>
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>43.899.247.172</u>	<u>25.796.991.645</u>	<u>6.888.935.414</u>	<u>291.125.599</u>	<u>218.078.468</u>	<u>77.094.378.297</u>

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty CP PT đầu tư và XD 115 - Cienco1	1.263.234.000	1.263.234.000
Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	586.812.929	586.812.929
Công ty CPXD giao thông & TM 124	7.200.000.000	7.200.000.000
Công ty XD, SXCN và XNK 125	1.715.000.000	1.715.000.000
Công ty CP đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	6.214.309.449	6.214.309.449
Công ty CP XDCT15-cienco1	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	48.532.400.000	48.532.400.000
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiến	49.400.000.000	49.400.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	2.350.000.000	2.350.000.000
Công ty cổ phần XD công trình 1		4.900.000.000
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	2.641.303.364	2.641.303.364
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty CP SXVL & XD công trình 1	2.571.000.000	2.571.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XDCT1	2.770.727.287	2.770.727.287
Công ty CP xi măng Mai Sơn.		57.494.028.490
Công ty CP TVĐT XDCT GT1 -Cienco1		
Cộng	199.744.787.029	262.138.815.519

Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cty CP ĐT&XD hạ tầng Anphanam	4.025.905.831	4.025.905.831
Công ty CP cầu 12 - Cienco1	11.175.375.096	
Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng	85.500.000.000	85.500.000.000
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu giê	148.172.580.000	148.172.580.000
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	21.050.000.000	21.050.000.000
Công ty CPĐT TM &XD giao thông 1		
Công ty TNHH Hall Brothers International		
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000	30.000.000
Cộng	269.953.860.927	258.778.485.831

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I - CÔNG TY CPSố 623, Đường La Thành, Phường Thành Công
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt NamMẫu số B 09_n-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo***10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	700.000.000.000	8.333.588.483	-	78.290.210.972	786.623.799.455
- Lợi nhuận trong kỳ				62.748.734.985	62.748.734.985
- Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế		8.850.750.975		(8.850.750.975)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(5.408.121.041)	(5.408.121.041)
- Trả cổ tức 2015				(63.000.000.000)	(63.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	700.000.000.000	17.184.339.458	-	63.780.073.941	780.964.413.399
Số dư tại ngày 01/01/2017	700.000.000.000	17.184.339.458	-	63.780.073.941	780.964.413.399
- Lợi nhuận trong kỳ				13.682.698.921	13.682.698.921
- Chia cổ tức				(35.000.000.000)	(35.000.000.000)
- Phân phối các quỹ		4.309.140.702		(6.463.711.053)	(2.154.570.351)
- Tăng/giảm khác				-	-
Số dư tại ngày 30/09/2017	700.000.000.000	21.493.480.160	-	35.999.061.809	757.492.541.969

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	30/09/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100104274 và các chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	30/09/2017		31/12/2016	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	20.003.534	28,58	20.003.534	28,58
2. Công ty CP An Hiến	17.213.552	24,59	17.213.552	24,59
3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	-	6.990.000	9,99
4. Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	13.447.700	19,21	4.900.000	7,00
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	11.767.694	16,81	11.767.694	16,81
6. Các cổ đông khác	7.567.520	10,81	9.125.220	13,03
	70.000.000	100,00	70.000.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu xây lắp	1.063.564.935.605	1.635.728.243.635
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.375.842.530	10.448.890.005
- Doanh thu khác	39.021.351.155	26.827.855.049
Cộng	1.116.962.129.290	1.673.004.988.689

12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp	1.030.228.909.661	1.581.445.335.773
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.288.505.302	6.524.847.682
- Giá vốn khác	35.406.772.434	20.937.063.877
Cộng	1.070.924.187.397	1.608.907.247.332

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.797.376.513	5.685.279.613
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.706.537.000	4.923.399.007
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.311.967.680	69.076.448.715
- Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	209.765.065	246.136.303
- Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	9.281.711.839	21.394.428.600
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	253.914.014	
Cộng	38.561.272.111	101.325.692.238

14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay phải trả	23.626.168.985	23.361.469.139
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	0	476.575.013
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206.875.991	500.943.138
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	0	122.347.727
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(22.148.209.000)	
- Chi phí tài chính khác	56.252.557	388.317.514
Cộng	1.741.088.533	24.849.652.531

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa kỳ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA KỲ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kỳ kèm theo

15. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.




Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc